

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG PHÁP HỌC MÔN NGỮ VĂN LỚP 12

I. MỤC TIÊU

- Giúp học sinh nắm được cấu trúc chương trình, bài học Ngữ văn lớp 11, cấu trúc đề thi TNTHPT môn Ngữ Văn của Bộ GD&ĐT năm 2025.
theo chương trình GDPT 2018 của Bộ GD &ĐT.
- Giúp học sinh có cái nhìn hệ thống xuyên suốt toàn bộ nội dung đã học trong chương trình lớp 10, chủ động nắm bắt kiến thức trong chương trình 11, 12.
- Định hướng phương pháp học tập phù hợp, hiệu quả đối với học sinh lớp 11.

II. NỘI DUNG

1. Giới thiệu cấu trúc đề thi TNTHPT môn Ngữ Văn của Bộ GD&ĐT năm 2025.



ĐỀ KIỂM TRA LỚP 10 MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHIẾN THẮNG MTAO GRỰ

(Trích *Đăm Săn*)

Giới thiệu: *Đăm Săn* là sử thi nổi tiếng của dân tộc Ê-đê (Tây Nguyên). Tác phẩm kể về các cuộc chiến đấu và chinh phục của Đăm Săn để bảo vệ buôn làng, thực hiện khát vọng trở thành người tù trưởng hùng mạnh nhất. Đoạn trích dưới đây kể về một trong những chiến công đó.

Họ đến bến nước làng, rồi đến bờ rào làng Mtao Grự. Trước mặt họ là một bờ rào tre một lớp hai lớp, một bờ rào lồ ô một hàng hai hàng, cổng làng trồng hai hàng cột lớn.

Họ áp sát bờ rào làng, đẩy thử cổng làng. Từ trong làng vọng ra tiếng cổng lớn cổng nhỏ, nghe ì ì ọp như tiếng ếch kêu dưới nước. Họ hiểu ra ngay đây đúng là một tù trưởng giàu mạnh, đầu bịt khăn nhiễu, vai mang nải hoa thật.

[...] Người của Đăm Săn đông như bầy cà-tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ tiến vào bãi quanh làng, rồi tiến sát bờ rào làng.

Đăm Săn: Ơ diêng, ơ diêng, xuống đất! Chúng ta đạp sức nhau nào!

Mtao Grự: Ơ diêng, ơ diêng, mời diêng lên nhà, ta muốn làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu.

Đăm Săn: Người còn định cưỡi trâu cầu phúc cho ta hả! Há chẳng phải vợ ta người đã cướp, đùi ta người đã chặt, ruột gan ta người đã moi ra rồi sao? (Nói với tôi tớ) Bớ các con, lấy cái sàn hiên nhà này đem bỏ dôi ra, lấy cái cầu thang nhà này đem chẻ ra, kéo lửa hun cái nhà này cho ta xem nào!

Mtao Grự: Ấy khoan, diêng khoan! Để ta xuống. Không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!

Đăm Săn: Sao ta lại đâm người khi người đang đi xuống nhỉ! Người xem đến con lợn của nhà người trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Mtao Grự: Ơ diêng, ơ diêng, không được đâm ta khi ta đang đi đó, nghe!

Đăm Săn: Sao ta lại đâm người khi người đang đi nhỉ! Người xem đến con trâu cái nhà người trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Thế là Mtao Grự phải xuống.

Đăm Săn: Ơ diêng, ơ diêng, khiến đao của người là khiến đao gì vậy?

Mtao Grự: Khiên thần đao thần, khiến đao dính đầy những oan hồn, khiến đao chỉ nhằm đùi bọn tù trưởng nhà giàu. Ơ diêng, còn khiến đao của người là khiến đao gì vậy?

Đăm Săn: Khiên đao kêu lạch xạch, khiến đao bị một ăn chẳng rõ còn chắc hay không? Ơ diêng, bây giờ người múa đi!

Mtao Grự rung khiến múa. Hồn múa kêu lạch xạch như quả mướp khô.

Đăm Săn: Người múa lạch xạch, người múa một mình, người múa chơi đó phải không, diêng?

Mtao Grự: Bớ diêng, đến lượt người, người múa đi!

Đăm Săn rung khiến múa. Chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiến kên. Chàng múa chạy nước kiệu, ba lớp núi rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ tung bay. Chàng chạy vun vút một mình không ai theo kịp.

Còn Mtao Grự bước thấp bước cao, chạy trốn mũi giáo thần, mũi giáo dính đầy những oan hồn của Đăm Săn. Hồn nhằm đùi Đăm Săn phóng cây giáo của hắn tới nhưng cây giáo chỉ vừa trúng một con lợn thiến.

Đăm Săn: Sao người lại đâm con lợn thiến? Thế đùi ta người dành làm gì? Đây người hãy xem ta!

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

Cây giáo thần, cây giáo vương vít những oan hồn của Đăm Săn nhằm đuổi kẻ thù phóng tới, đâm vừa trúng đích.

[...] Mtao Grư lao đảo như gà gãy cánh, khắp khiêng như gà gãy chân, vừa chạy vừa kêu oai oái ở bãi đông, vừa kêu oai oái ở rẫy tây. Hấn tránh quanh chuồng lợn. Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hấn tránh quanh vườn cam. Đăm Săn phá nát vườn cam. Ba lần hấn chạy trốn về phía đông, ba lần hấn chạy trốn về phía tây, vướng hết từng trâu đến thắng voi. Cuối cùng không chạy được nữa, hấn ngã lăn quay ra đất.

(Theo Nguyễn Hữu Thấu, in trong *Tổng tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Tập 3, Quyển 2: Sử thi, NXB Đà Nẵng, 2007, tr. 72-75)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả không gian làng của Mtao Grư trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra sự khác nhau của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu sau:

- *Người của Đăm Săn đông như bầy cà-tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối.*
- *Hấn múa kêu lạch xạch như quả mướp khô.*

Câu 4. Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật Đăm Săn được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Qua văn bản, hãy nêu một ước mơ của cộng đồng người Ê đê thời xưa mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do.

II. PHẢN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản sau:

THẦN MƯA

Đến việc làm ra mưa thì Ngọc Hoàng ủy thác cho thần Mưa. Người thần hình rồng, có tài lên trời xuống nước bất kì lúc nào cũng được. Thần có phép thu hình lại bằng một con cá, nhưng có thể dân người ra dài hàng nghìn trượng. Ở đây ta cũng nên phân biệt thần Mưa với thần Nước. Cả hai thần đều cùng mình rồng, cùng một tộc loại nhưng nhiệm vụ mỗi bên mỗi khác. Thần Mưa thường xuống hạ giới hút nước sông, nước biển vào bụng no căng rồi bay đi, có thể rất xa, phun nước ra cho thế gian ăn uống, cây cối và cho cây cỏ tốt tươi. Chúng ta cũng nên biết công việc của thần Mưa cũng như công việc của thần Gió là công việc có ích cho muôn loài ở hạ giới. Thế nhưng cũng có nhiều khi các thần đó phân phối không đều nên gây ra tai hại. Nhất là thần Mưa có nhiều lúc nhầm lẫn: sông biển không hút nhưng lại nhe đồng ruộng hoặc cửa nhà mà hút làm hư hỏng rất nhiều tài sản của thiên hạ. Có nhiều lúc, thần Mưa chỉ lo đi tưới nước cho các vùng hẻo lánh cách xa đại dương hàng vạn dặm mà quên bẵng cả những vùng ở sát ngay bờ biển. Đó là những cái quên “chết người” đã gây ra những vụ kiện tại thiên đình.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển 1, NXB KHXH, HN, 2003, tr. 95)

Câu 2. (4,0 điểm)

Cuộc sống thường có những khó khăn, thử thách; đối mặt hay bỏ cuộc là lựa chọn của mỗi người.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về những khó khăn, thử thách đối với tuổi trẻ.

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Căn cứ vào đề thi minh họa của Bộ GD&ĐT, có thể thấy về cơ bản định dạng và cấu trúc đề thi cụ thể như sau:

Phần	Dạng 1	Dạng 2
I. Đọc hiểu (4,0 điểm)	- Ngữ liệu: Văn bản thông tin hoặc văn bản nghị luận xã hội - Câu hỏi: 05 câu + Câu 1, 2: Nhận biết + Câu 3, 4: Thông hiểu	- Ngữ liệu : Văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học - Câu hỏi: 05 câu + Câu 1, 2: Nhận biết + Câu 3, 4: Thông hiểu

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

		+ Câu 5: Vận dụng	+ Câu 5: Vận dụng
II. Viết (6,0 điểm)	Câu 1 (2,0 điểm)	- Viết đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ)	- Viết đoạn văn nghị luận văn (khoảng 200 chữ) - Ngữ liệu khác thể loại so với ngữ liệu đọc hiểu
	Câu 2 (4,0 điểm)	- Viết bài văn nghị luận văn (khoảng 600 chữ) - Ngữ liệu khác kiểu văn bản so với ngữ liệu đọc hiểu	- Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ)

Lưu ý:

- Đề thi sẽ xuất hiện một trong hai dạng trên.
- Tổng độ dài của văn bản ngữ liệu (cả văn bản phần đọc hiểu và văn bản phần viết) không vượt quá 1300 chữ.
- Coi trọng cả năng lực đọc hiểu và năng lực viết.
- Cân đối nghị luận xã hội và nghị luận văn học.
- Đặc biệt phần NLVH yêu cầu viết với ngữ liệu mới.
- Câu đọc hiểu và NLXH kế thừa nhưng có đổi mới về cách hỏi.

2. Định hướng phương pháp và cách thức ôn tập môn Ngữ văn

- CT Ngữ văn 2018 yêu cầu đánh giá kết quả học tập của HS theo năng lực (văn học và ngôn ngữ) thể hiện trực tiếp qua các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đối tượng của phần đọc là các thể loại và kiểu văn bản. Vì thế khi ôn tập HS cần chú ý hệ thống thể loại văn học và kiểu văn bản, nắm được cách đọc, cách viết các thể loại và kiểu văn bản mà CT đã qui định.
- Nắm được cấu trúc chung và nhiệm vụ của HS trong từng phần của một bài học.
- Hệ thống khái quát được những kiến thức và kĩ năng cơ bản đã học trong chương trình.
- Vận dụng những kiến thức và kĩ năng hiệu quả khi giải quyết đề thi/kiểm tra.

CHUYÊN ĐỀ 1

HỆ THỐNG KHÁI QUÁT NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Mục tiêu

- Nắm được các đơn vị kiến thức cơ bản theo nội dung bài học: thể loại thơ, truyện, kịch; kiểu văn bản NLXH, NLVH, Văn bản thông tin, tri thức về tiếng Việt.
- Có cái nhìn bao quát về các đơn vị kiến thức trong hai năm học 11 và 12.

II. Nội dung

1. THỂ LOẠI TRUYỆN

1. Khái niệm

- *Thần thoại* là những truyện hoang đường, tưởng tượng về các vị thần, các nhân vật anh hùng, nhân vật sáng tạo văn hóa.. phản ánh nhận thức, cách lí giải của con người cổ đại về các hiện tượng trong thế giới tự nhiên và xã hội.
- *Sử thi* (còn gọi là anh hùng ca) là tác phẩm tự sự có quy mô lớn, bằng văn vần hoặc kết hợp văn xuôi và văn vần, xây dựng những hình tượng hào hùng, kì vĩ để kể về những sự kiện lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân thời cổ đại.

2. Đặc điểm của thần thoại và sử thi

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

So sánh	Thần thoại	Sử thi
1. Không gian	KG vũ trụ nguyên sơ, thường chia làm 3 cõi: trời – đất - nước	KG cộng đồng, bao gồm: KG thiên nhiên, KG xã hội
2. Thời gian	TG quá khứ, không được xác định cụ thể	- TG quá khứ, trải qua nhiều biến cố; - Gắn với lịch sử cộng đồng của dân tộc, bộ lạc, chế độ.
3. Cốt truyện	Thường gồm chuỗi các sự kiện (biến cố) được sắp xếp theo một trình tự nhất định.	
4. Nhân vật	Nhân vật thần: có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hoá khôn lường.	Nhân vật người anh hùng: có sức mạnh, tài năng, phẩm chất và vẻ đẹp phi thường, dũng cảm, xả thân vì cộng đồng, tiêu biểu cho vẻ đẹp cộng đồng.
5. Lời nhân vật và lời người kể chuyện	- Lời người kể chuyện là lời của người thuật lại câu chuyện. - Lời của nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật.	
6. Tác phẩm nổi tiếng	- Thần thoại Hi Lạp. - Thần thoại Việt Nam: Thần Trụ Trời; Thần Sét; Thần Gió;...	- Sử thi Hi Lạp: <i>I-li-át; Ô-đi-xê</i> . - Sử thi Ấn Độ: <i>Ra-ma-ya-na; Ma-ha-bha-ra-ta</i> - Sử thi Việt Nam: <i>Đẻ đất đẻ nước (Mường); Đăm Săn, Xinh Nhã (Ê-đê); Đăm Noi (Ba-na);</i>

TIỂU THUYẾT

1. Khái niệm

- Tiểu thuyết và truyện ngắn đều thuộc loại tác phẩm truyện
- Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn, có khả năng phản ánh đời sống rộng lớn, không bị giới hạn về không gian và thời gian; cốt truyện phức tạp, được xây dựng trên nhiều sự kiện, cảnh ngộ, nhiều môi xung đột; miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chằng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp.

2. Đặc điểm

- Tính văn xuôi: mô tả khối lượng nội dung lớn, dung chứa hiện thực toàn vẹn và tái hiện
- Tính đa dạng sắc độ thẩm mỹ: mô tả sự pha trộn hài hòa của các màu sắc nội dung như: đẹp, xấu, thiện, ác, bi, hài,...

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- Nghệ thuật kể chuyện: điểm nhìn trần thuật
- Tính hư cấu: cho phép tái hiện thời gian, không gian, nhân vật
- Tính phản ánh toàn vẹn đời sống: là khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách đầy đủ và sinh động
- Tính tổng hợp: cho phép dung nạp các phong cách nghệ thuật của các thể loại văn học khác

3. Cấu trúc

- Chương- hồi
- Nhân vật
- Cốt truyện

4. Phân loại

- **Tiểu thuyết trinh thám:** thường xoay quanh các tội ác, vụ án hoặc bí ẩn đời sống nào đó cần được khám phá, giải quyết và tìm ra thủ phạm
- **Tiểu thuyết giả tưởng:** các thế giới tưởng tượng ở tương lai, phép thuật, thần tiên hoặc các thế giới không có thật
- **Tiểu thuyết tình cảm:** là dòng truyện kể tập trung vào tình yêu lãng mạn của đôi lứa
- **Tiểu thuyết lịch sử:** là dòng văn học tự sự mô tả câu chuyện hư cấu xảy ra tại các thời điểm có thật trong lịch sử nhân loại
- **Tiểu thuyết hư cấu hiện thực:** là dòng văn học tường thuật một sự việc hư cấu xoay quanh những nhân vật hư cấu nhưng tồn tại cùng dòng thời gian và thế giới ngày nay.
- **Tiểu thuyết kinh dị:** là dòng truyện thường được kết hợp chung với các thể loại giả tưởng, bí ẩn hoặc trinh thám.

II. TRUYỆN NGẮN

1. Khái niệm

- Là thể loại tự sự cỡ nhỏ, hướng tới khắc họa một hiện tượng trong đời sống; cốt truyện thường diễn ra trong không gian, thời gian hạn chế; kết cấu không nhiều tầng, nhiều tuyến; ít nhân vật.
- Truyện ngắn thu hút người đọc bởi nội dung cô đúc, chi tiết ám ảnh, ý tưởng sâu sắc được thể hiện qua tình huống bất ngờ, lời văn hàm súc, mang nhiều ẩn ý.

2. Đặc điểm

- **Về đề tài:** TN đề cập đến mọi đề tài phong phú, đa dạng, chạm đến mọi ngóc ngách đời sống con người.
- **Về tình huống truyện:** Đó là cái tình thế nảy ra truyện, là lát cắt của đời sống, là một khoảnh khắc mà trong đó sự sống hiện ra rất đậm đặc...
 - + Tình huống hành động
 - + Tình huống tâm trạng
 - + Tình huống nhận thức
- **Về cốt truyện:** Cốt truyện là một hệ thống cụ thể những sự kiện, biến cố, hành động trong tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch thể hiện mối quan hệ qua lại giữa các tính cách trong một hoàn cảnh xã hội nhất định nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.
 - + Truyện ngắn không có cốt truyện(cốt truyện mờ nhạt)
 - + Truyện ngắn có cốt truyện
- **Về nhân vật:** NV là linh hồn của tác phẩm, là người phát ngôn cho tư tưởng của nhà văn. Nhân vật phải được đặt trong một hoàn cảnh cụ thể, vừa mang tính chung phổ quát vừa mang tính riêng độc đáo.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- Về **ngôn ngữ**: chọn lọc, cô đúc, hiện đại còn có các tính chất: tính biểu cảm, tính chính xác, tính hình tượng, tính hệ thống, tính đa thanh, tính đối thoại.

3. Phân loại

- Truyện dân gian
- Truyện trung đại(truyện chữ Hán, truyện chữ Nôm)
- Truyện hiện đại(truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài)

III. ĐIỂM CHUNG VỀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN

1. Điểm nhìn nghệ thuật

- Khái niệm: Là vị trí quan sát của người kể chuyện trong tương quan với nhân vật, sự việc được trần thuật
- Vai trò: Giúp nhà văn phản ánh cuộc sống trong tính đa dạng và phức tạp của nó; mang đến cho người đọc góc độ tiếp cận mới, đồng thời hình thành cá tính cho nhà văn

2. Người kể chuyện

- **Người kể chuyện hạn tri**(ngôi kể thứ nhất): thường trực tiếp tham dự hoặc chứng kiến các sự việc xảy ra trong chuyện .

+ Ưu điểm: tạo hiệu quả về tính trực tiếp, có cơ hội đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật- người kể

+ Hạn chế: Ít có khả năng phản ánh toàn cảnh bức tranh xã hội, môi trường hoạt động và tâm lí các nhân vật khác.

- **Người kể chuyện toàn tri**(ngôi kể thứ 3): không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng, biết hết tất cả mọi việc

+ Ưu điểm: Tạo nên khả năng trần thuật linh hoạt, giúp người đọc biết được nhiều thông tin về nhân vật, sự việc.

+ Hạn chế: Người đọc ít có được cảm giác kết nối trực tiếp, gần gũi với nhân vật.

2. THỂ LOẠI THƠ

I. Thơ

1. Khái niệm

Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới

2. Đặc trưng

a. Đặc trưng về nội dung

- **Thơ là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức**

+ Thơ không phải là sự bộc lộ tình cảm một cách bản năng và trực tiếp. Tình cảm trong thơ là tình cảm được ý thức, được siêu thăng, tình cảm được lắng lọc qua cảm xúc thẩm mĩ, gắn liền với sự tự ý thức về mình và đời

+ Tình cảm trong thơ phải là tình cảm lớn, tình cảm đẹp, cao thượng, thấm nhuần bản chất nhân văn, chính nghĩa. Tình cảm tầm thường không làm nên thơ. Tình cảm trong thơ phải là tình cảm là tình cảm của nhân dân, nhân loại mới có sức vang động tâm hồn con người.

- **Thơ – nghệ thuật của trí tưởng tượng**

+ Nếu tình cảm là sinh mệnh của thơ thì tưởng tượng là đôi cánh của thơ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

+ Thơ không xây dựng bằng cách hình tượng khách thể như nhân vật trong truyện hay kịch, kí, mà xây dựng hình tượng của bản thân dòng ý thức, cảm xúc đang diễn ra, vì thế tượng tượng ở đây chủ yếu là liên tưởng, giả tưởng, huyền tưởng

+ Lối tưởng tượng này làm cho tư duy thơ khác hẳn tư duy trong các thể loại văn học khác.

- **Tính cá thể hóa của tình cảm trong thơ**

+ Qua từng trang thơ, từng dòng thơ người đọc cảm thấy được, thậm chí tiếp xúc trực tiếp được với một cá tính, một cuộc đời, một tâm hồn. Nhưng đó là cái tôi thứ hai của tác giả, không phải cái tôi đời thường của thi sĩ

+ Đối với các nhà thơ lãng mạn thì cái tôi là một nguyên tắc cơ bản của thơ

- **Chất thơ của thơ**

+ Thơ không nói những điều nó viết ra, à nói ở những chỗ trống không viết ra, ở chỗ trắng, chỗ im lặng giữa các chữ, các lời

+ Cái ý nghĩa có tính thơ là ý nghĩa ngoài lời, ngoài hình ảnh, do chính lời và do chính hình ảnh gợi lên.

b. Đặc trưng về hình thức

- **Thơ biểu hiện bằng biểu tượng, ý tượng**

Mỗi loại thơ có những biểu tượng riêng. Các biểu tượng trong thơ nảy sinh nhờ sức liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo mạnh mẽ của nhà thơ. Đến lượt mình, các biểu tượng thể hiện sức tưởng tượng, liên tưởng trong tác phẩm

- **Ngôn từ thơ được cấu tạo đặc biệt**

+ Thứ nhất, ngôn từ thơ có nhịp điệu.

+ Thứ hai, ngôn từ thơ không có tính liên tục và tính phân tích như ngôn từ văn xuôi, ngược lại nó có tính nhảy vọt, gián đoạn, tạo thành những khoảng lặng giàu ý nghĩa

+ Thứ ba, ngôn từ thơ giàu nhạc tính với những âm thanh luyến láy, những từ trùng điệp, sự phối hợp bằng trắc và cách ngắt nhịp có giá trị gợi cảm

3. Phân loại thơ

- **Thơ trữ tình - thơ tự sự - thơ kịch**

- **Thơ luật – Thơ tự do – Thơ văn xuôi**

+ Một số thể thơ luật cơ bản: Thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, lục bát

II. Thơ trữ tình

1. Khái niệm

Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình (*Sách giáo khoa Ngữ văn 10, Kết nối tri thức với cuộc sống, tr43*)

2. Các yếu tố của thơ trữ tình

a. Nhân vật trữ tình

- Nhân vật trữ tình (còn gọi là chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối quan hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

b. Hình ảnh thơ

- Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tác tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác đặc biệt là những ấn tượng thị giác cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

c. Văn thơ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- Là sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Văn có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

d. Nhịp điệu

- Là những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới.

e. Nhạc điệu

- Là cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, điệp, phối hợp thanh điệu bằng – trắc.

f. Đối

- Là cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (ngược chiều).

g. Thi luật

- Là toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài thơ,...

h. Thể thơ

- Là sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

III. Thơ Đường luật

1. Khái niệm và đặc trưng thơ Đường, thơ Đường luật

- Khái niệm thơ Đường

+ Đường luật hay Cận thể là thể thơ đặt ra từ thời nhà Đường (618 – 907) phải theo niêm luật nhất định (*Việt Nam văn học Sử yếu – Dương Quảng Hàm*)

+ Thơ năm chữ là ngũ ngôn, thơ bảy chữ là thất ngôn, bảy ngôn mỗi bài bốn câu gọi là tứ tuyệt, mỗi bài tám câu gọi là bát cú. Ngũ ngôn và thất ngôn không cần điệu bằng trắc, có vần thì gọi là cổ thể, cần dùng đến bằng trắc được gọi là Đường luật. Đường luật là luật ấy từ nhà Đường mới đặt ra, rồi sau đó cứ tuân đó mà làm luật. (*Việt Hán văn khảo – Phan Kế Bính*)

+ Vì từ Đường mới bắt đầu đặt ra luật thơ, nên gọi là Đường luật. Thơ luật là lời văn có vần mà đối nhau, cũng đủ cả thất ngôn, ngũ ngôn như cổ phong, khác với cổ phong là hạn định bằng trắc – sai thì gọi là thất luật. (*Quốc Văn cụ thể - Bùi Kỷ*)

+ Thơ Đường: Chỉ tất cả bài thơ sáng tác vào đời Đường ở Trung Quốc (Bất kể thuộc thể thơ nào), có khi lại chỉ tất cả các bài thơ làm theo thể Đường luật (bất kể sáng tác vào lúc nào, ở đâu – Trung Quốc hay Việt Nam) (*Từ điển thuật ngữ Văn học*)

- **Khái niệm thơ Đường luật:** Thơ Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể, là thể thơ cách luật ngũ ngôn hoặc thất ngôn được đặt ra từ thời Đường ở Trung Quốc. (*Từ điển thuật ngữ Văn học*)

2. Một số đặc trưng cơ bản

+ **Hình ảnh:** Có tính ước lệ, tượng trưng cao, chứa đựng những tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc và con người

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGŨ VĂN LỚP 11

+ **Chủ thể trữ tình:** Là người phát ngôn thường là tác giả hoặc là người đại diện cho quan niệm thẩm mỹ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống; đây là con người cảm xúc, suy tư trong tác phẩm nhưng không nên đồng nhất đơn giản giữa chủ thể trữ tình và tác giả.

+ **Cảm hứng chủ đạo**

- Thơ u hoài về thể sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho.
- Hướng về tư tưởng Đạo giáo yêu thiên nhiên, thích xa lánh việc đời, tư tưởng Lão Trang
- Hướng về Phật giáo, xa lánh đời nhưng vẫn còn gần nhân thế

+ **Cấu trúc bố cục**

- Đề - Thực - Luận - Kết: Bố cục giao nhiệm vụ cho mỗi phần
- Khai - Thừa - Chuyển - Hợp: Chỉ ra mối quan hệ liên tục giữa bốn phần

+ **Luật**

- Là cách sắp đặt tiếng bằng tiếng trắc trong các câu của một bài thơ
- Luật được bắt đầu bằng âm thanh của chữ thứ hai của câu thứ nhất.
- Nếu chữ thứ hai là thanh bằng thì gọi bài thơ luật bằng. Chữ thứ hai là thanh trắc thì gọi là bài thơ luật trắc.

+ **Niêm**

Là sự liên lạc về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ Đường luật. Hai câu thơ niêm với nhau khi nào chữ thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc là cùng bằng hoặc cùng trắc, bằng niêm bằng, trắc niêm trắc

+ **Đối**

- Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý với chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau (Đối tương phản hoặc tương đồng)
- Đối ý là tìm hai câu có ý tưởng cân nhau mà đặt thành hai câu song nhau
- Đối chữ thì vừa phải đối thanh tức là B - T, T - B, vừa phải đối loại của chữ nghĩa, hai chữ tương tự loại (cùng danh, cùng động,...)

+ **Vần - Vận**

- Vần (Chữ Nho là vận) là những tiếng thanh âm hòa hiệp đặt vào hai hoặc nhiều câu văn để hưởng ứng nhau.
- Thơ Đường luật chỉ gieo một vần là vần bằng (bình), hiếm khi gieo vần trắc. Gieo vần vào chữ cuối của câu 1, 2, 4, 6 và 8. (ngoại lệ: riêng chữ cuối của câu 1 ngũ ngôn bất cú có thể không cần gieo vần cũng được).

IV. Thơ tự do

1.1. Đặc điểm của thơ tự do

*Về mục đích - nội dung:

- Ra đời do nhu cầu giải phóng cảm xúc khỏi sự ràng buộc chặt chẽ của các quy tắc về hình thức.

- Phản ánh được những khía cạnh mới của cuộc sống đa dạng, thể hiện những cái nhìn nghệ thuật mới của nhà thơ.

*Về hình thức nghệ thuật:

- Không có thể thức, không bị ràng buộc bởi số dòng, số chữ, số vần; có phân dòng.

- Một bài thơ tự do có thể là sự kết hợp của các đoạn làm theo nhiều thể khác nhau hoặc tự do hoàn toàn.

1.2. Các yếu tố cơ bản của thơ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

Nhân vật trữ tình	*Khái niệm: Là người trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ,... trong bài thơ nhưng không đồng nhất với tác giả. *Phân loại: Hai dạng: - Xuất hiện trực tiếp qua các đại từ nhân xưng (<i>tôi, anh, em, chúng ta, chúng tôi,...</i>) - Chủ thể ẩn, không có ngôi (nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội)
Vần	*Ý nghĩa: tạo cho lời thơ sự kết dính âm vang đầy ấn tượng; làm cho thơ dễ thuộc, dễ nhớ hơn. *Phân loại: - Xét về vị trí: vần chân (cước vận), vần lưng (yêu vận) - Xét về thanh điệu: vần thanh trắc (T), vần thanh bằng (B)
Nhịp (ngắt nhịp)	*Khái niệm: Là cách tổ chức, sắp xếp sự vận động của lời thơ, thể hiện qua các chỗ dừng, chỗ nghỉ khi đọc bài thơ. *Nhịp thơ được tạo nên chủ yếu bởi cách ngắt dòng và cách ngắt nhịp trong từng dòng thơ, câu thơ.
Từ ngữ, hình ảnh	- Từ ngữ trong thơ là thứ ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm, được chọn lọc, trau chuốt. - Hình ảnh trong thơ thường được tạo nên bằng việc sử dụng từ ngữ (tượng thanh, tượng hình, từ láy,...) và các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ,...) giúp nhà thơ miêu tả sống động hoặc truyền tải cảm xúc, tư tưởng mạnh mẽ. - Cả từ ngữ và hình ảnh thơ đều mang sức gợi cảm lớn, có khả năng chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa.
Cảm hứng chủ đạo trong thơ	- Là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt, tràn đầy, bao trùm xuyên suốt toàn bài thơ, gắn với một tư tưởng, một cách đánh giá của tác giả. - Mỗi tác phẩm có thể có nhiều cảm hứng nhưng chỉ có một cảm hứng chủ đạo vì đó là cảm hứng chính, bao trùm tác phẩm. - Thường có những dạng cảm hứng chủ đạo như: cảm hứng anh hùng, tự hào, bi thương, trào lộng,...

3. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Khái niệm	Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.
Đề tài	Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,...
Phân loại	Hai tiểu loại phổ biến: - Nghị luận xã hội - Nghị luận văn học

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

Phương thức biểu đạt chính		Nghị luận
Phương thức biểu đạt hỗ trợ làm tăng tính thuyết phục		Biểu cảm; tự sự
Các yếu tố chính của văn bản nghị luận	Luận đề	
	Luận điểm	
	Luận cứ	Lí lẽ
		Bằng chứng

4. VĂN BẢN THÔNG TIN

Văn bản thông tin và văn bản thông tin tổng hợp

1.1. Định nghĩa văn bản thông tin: Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó,...

1.2. Đặc điểm của văn bản thông tin

- **Về nội dung:** Cung cấp thông tin về đối tượng.
- **Về hình thức:** thường được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương thức khác như hình ảnh, âm thanh,...

1.3. Các mô hình cấu trúc của văn bản thông tin

- Theo trật tự thời gian
- Theo nguyên nhân – kết quả
- Theo vấn đề và giải pháp
- Theo chuỗi các sự việc
- Theo các bước trong quy trình

1.4. Văn bản thông tin tổng hợp

- Văn bản thông tin tổng hợp là loại văn bản trong đó người viết sử dụng phương thức thuyết minh kết hợp với một hoặc nhiều phương thức biểu đạt khác (biểu cảm, tự sự, miêu tả,...).

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- Văn bản thông tin tổng hợp có thể trình bày kết hợp nhiều hình thức: chữ, hình ảnh, bảng biểu,...
- Sapo (phần in đậm) là một lời giới thiệu chung về chủ đề chính được nhắc đến trong bài viết.
- Tác dụng:
 - + Thu hút sự chú ý của người đọc.
 - + Định hướng cho người đọc về nội dung chính của văn bản sẽ được triển khai ở các phần tiếp theo.
- Ngoài ra, phần in đậm còn có vai trò định hướng, làm cho bài viết mạch lạc và đảm bảo tính logic.

5. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

1. Các yêu cầu về sử dụng từ tiếng Việt

*2 yêu cầu:

- Sử dụng từ đúng với các chuẩn mực tiếng Việt => giúp người nghe, người đọc hiểu đúng những điều ta muốn nói.
- Sử dụng một cách sáng tạo để tạo ra cách diễn đạt hay, câu văn có tính nghệ thuật => giúp tăng thêm tính truyền cảm, tính thuyết phục đối với người nghe, người đọc.

2. Lỗi dùng từ hay gặp và cách khắc phục

***Lỗi dùng từ hay gặp:**

- Dùng từ không đúng về hình thức ngữ âm, chính tả.
- Dùng từ không đúng nghĩa.

***Cách khắc phục:**

- Yêu cầu chung: Khi sử dụng tiếng Việt, ta cần tuân thủ những yêu cầu sau về ngữ âm, chữ viết và ngữ nghĩa:

- + Về ngữ âm: Cần phát âm theo âm chuẩn của tiếng Việt.
- + Về chữ viết: cần viết đúng theo quy tắc hiện hành về chính tả và về chữ viết nói chung.
- + Về ngữ nghĩa: Cần dùng từ chính xác về nghĩa.

- Mỗi khi dùng một từ mà chưa hiểu thật rõ nghĩa thì nên tra từ điển, đọc kĩ các nghĩa và các ví dụ về cách dùng của từ đó.

- Ngoài các lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm, chính tả; không đúng ý nghĩa.

Người nói người viết còn cần lưu ý các lỗi sau

- + Dùng từ sai quy tắc ngữ pháp: Biểu hiện thường gặp của lỗi này là người nói, người viết sắp xếp trật tự từ không đúng; nói viết thiếu hư từ hoặc dùng hư từ không đúng

- + Dùng từ không hợp với phong cách ngôn ngữ: Lỗi này do người viết, người nói không phù hợp với văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp hoặc thể loại văn bản

- + Dùng lặp từ, lặp nghĩa. Lặp từ là dùng nhiều lần một từ trong câu hoặc trong những câu liên tiếp nhau khiến cho câu văn, đoạn văn trở nên nặng nề.

3. Cách trích dẫn và chú thích trong văn bản

a. Trích dẫn ý kiến của người khác

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- **Mục đích:** bình luận hoặc tăng sức thuyết phục cho lập luận của mình.
- **Phân loại:** Có 2 cách trích dẫn thường dùng:
 - + *Trích dẫn trực tiếp:* là trích nguyên văn trong ngoặc kép từ ngữ, câu hoặc đoạn của người khác.
 - > Tác dụng: Mang tính xác thực, làm cụ thể hóa, làm sinh động, phong phú nội dung.
 - + *Trích dẫn gián tiếp:* Là chỉ trích ý, không trích nguyên văn ý kiến của người khác.
 - > Tác dụng: Giúp minh họa, làm nổi bật các thông tin chính, thu hút người đọc, giúp người đọc nắm bắt thông tin dễ dàng và hiệu quả hơn.
- **Yêu cầu** của việc trích dẫn ý kiến của người khác:
 - + Phải ghi đầy đủ các thông tin xuất xứ (tác giả, tên tài liệu, tên cơ quan công bố, nơi công bố, năm công bố, số trang có đoạn trích)
 - + Khi không trích trọn vẹn cả câu hay cả đoạn văn thì cần sử dụng dấu [...] để đánh dấu những từ ngữ đã bị lược bớt.

b. Cách chú thích

- **Mục đích:** giải thích để giúp người đọc biết rõ về xuất xứ hoặc làm sáng tỏ một ý kiến, một tin tức, một khái niệm, một từ ngữ được dùng trong văn bản.
- **Vị trí** của chú thích:
 - + Đặt ở trong nội dung của văn bản (phần chính văn) ==> Chú thích được đặt trong dấu ngoặc đơn.
 - + Đặt ở chân trang (cước chú) và cuối sách ==> Chú thích được tách ra khỏi nội dung của văn bản; chữ phần chú thích phải khác chữ ở phần nội dung.

4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

***Phân loại:** Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ gồm có:

- Các tín hiệu của cơ thể như: ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ,...
- Các tín hiệu bằng hình khối như: kí hiệu, công thức, biển báo, đồ thi, hình vẽ, tranh ảnh, màu sắc, các kĩ thuật in ấn (in nghiêng, in đậm,...),...
- Các tín hiệu bằng âm thanh: tiếng kêu, tiếng gõ, tiếng nhạc,...

***Tác dụng** của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ:

- + Được dùng kèm để bổ trợ cho phương tiện ngôn ngữ.
- + Trong nhiều trường hợp, người ta chỉ cần hoặc chỉ có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (ví dụ: đèn giao thông, vẫy cờ, ra hiệu vì không tiện nói,...) để giao tiếp mà vẫn đạt hiệu quả.

5. Các biện pháp tu từ:

Biện pháp liệt kê

1. Là gì?	Là biện pháp tu từ mà người nói/ người viết kê ra/ gọi tên nhiều sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... trong cùng 1 câu hoặc một đoạn.
------------------	--

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

2. Mục đích – tác dụng	Tạo nên ấn tượng mạnh, hiệu quả cao trong miêu tả, kể chuyện hoặc biểu lộ tình cảm, cảm xúc.
3. Phạm vi sử dụng	Phép liệt kê được dùng trong cả văn xuôi và văn vần
4. Phân loại	- Xét theo cấu tạo, có thể phân biệt: + Kiểu liệt kê theo từng cặp. + Kiểu liệt kê không theo từng cặp. - Xét theo ý nghĩa, có thể phân biệt: + Kiểu liệt kê tăng tiến. + Kiểu liệt kê không tăng tiến.

Phép chêm xen

1. Khái niệm: Phép chêm xen (thành phần phụ chú) là thêm vào câu một cụm từ không có quan hệ trực tiếp đến quan hệ ngữ pháp trong câu văn nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.

2. Vị trí và dấu hiệu nhận biết: thành phần chêm xen có thể được đặt giữa câu hoặc cuối câu. Các bộ phận đều được tách ra bằng ngữ điệu khi nói, khi đọc. Còn khi viết thì chúng được tách ra bằng dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu gạch ngang.

3. Tác dụng: Chúng có tác dụng ghi chú hoặc giải thích cho từ ngữ đi trước. Hơn nữa, chúng còn bổ sung thêm sắc thái tình cảm, cảm xúc của người viết. Những phần chêm xen đó có vai trò có vai trò quan trọng trong bình diện nghĩa tình thái của câu (thể hiện sự nhìn nhận, đánh giá của người nói, người viết đối với sự việc, hiện tượng mà các thành phần khác biểu hiện)

CHUYÊN ĐỀ 2: KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN, VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. Mục tiêu

- Nắm vững những kĩ năng cơ bản khi giải quyết 5 câu hỏi gắn với 3 mức độ trong phần Đọc hiểu văn bản.
- Nhận diện và vận dụng tốt các đơn vị kiến thức vào việc giải quyết từng dạng câu hỏi trong đề gắn với các thể loại và kiểu văn bản.
- Nắm vững cách viết một bài văn nghị luận đảm bảo cấu trúc, phù hợp với từng vấn đề.

II. Nội dung

KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Các bước khi giải quyết 5 câu hỏi phần đọc hiểu văn bản

Bước 1: Đọc kĩ, xác định đúng kiểu/loại văn bản.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- Văn bản văn học: CT Ngữ văn 2018 quan niệm văn bản văn học theo nghĩa hẹp: loại văn bản có mục đích thổ lộ, giải bày tình cảm, cảm xúc là chính (truyện, thơ, kí, kịch)
- Văn bản nghị luận: Mục đích nhằm thuyết phục người đọc/nghe về một vấn đề bằng cách lập luận thông qua hệ thống các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng cụ thể.
- Văn bản thông tin: Mục đích chuyển tải thông tin một cách khách quan, hiệu quả bằng các dữ liệu, con số hình ảnh, sự kiện... với hình thức trình bày và cách nêu thông tin đa dạng, hấp dẫn.

Bước 2: Xác định tính chất của loại câu hỏi: nhận biết, thông hiểu hay vận dụng.

Bước 3: Trả lời một cách ngắn gọn, đúng trọng tâm theo yêu cầu câu hỏi.

2. Kỹ năng đọc hiểu văn bản thơ

a. Câu hỏi nhận biết

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Xác định phương thức biểu đạt - Các phương thức biểu đạt - Phương thức biểu đạt chính	- Đặc trưng của từng PTBD - Mục đích của VB. (Mục đích của VB là gì?)
2. Xác định thể thơ	- Số câu, số chữ của từng dòng thơ.
3. Xác định nhân vật trữ tình	- Đặc trưng của NVTT: + NVTT là nhân vật bộc lộ cảm xúc. + NVTT có thể xuất hiện trực tiếp hoặc không.
4. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong ...	- Đặc trưng, dấu hiệu nhận biết của từng biện pháp tu từ.
5. Xác định phong cách ngôn ngữ	- Đặc trưng ngôn ngữ (PCNN nghệ thuật).
1. Xác định các cụm từ ngữ, hình ảnh chứa thông tin	- Căn cứ yêu cầu đề bài. - Tìm vị trí của cụm từ ngữ, hình ảnh.
2. Xác định thông tin chính	- Căn cứ yêu cầu đề bài. - Tìm vị trí của câu văn/ câu thơ chứa thông tin.
3. Xác định đề tài	- Căn cứ nhan đề VB. - Căn cứ nội dung VB.

b. Câu hỏi thông hiểu

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ	- Gọi tên, chỉ ra từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ. - Nêu hiệu quả: Biện pháp tu từ ... đã đem lại hiệu quả thẩm mĩ cho câu thơ/ đoạn thơ/ bài thơ: + Về nội dung (trả lời các câu hỏi): ++ Nhằm nhấn mạnh/ khắc họa điều gì? (ý khái quát) ++ Điều đó được diễn tả cụ thể như thế nào qua các từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ? (ý cụ thể) ++ Thể hiện tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? + Về hình thức nghệ thuật:

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

	++ Với các biện pháp điệp: Tạo nhịp điệu ...; giọng điệu ...; tăng tính liên kết cho đoạn thơ/văn (chỉ rõ nhịp điệu gì, giọng điệu gì); ++ Với các biện pháp ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, hoán dụ...: Khiến câu thơ/văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn.
2. Nêu tác dụng của việc sử dụng thể thơ	- Chỉ rõ thể thơ được sử dụng trong văn bản. - Nêu hiệu quả: Việc sử dụng thể thơ ... đem lại hiệu quả nghệ thuật đặc sắc cho văn bản như thế nào? + Về nội dung: ++ Góp phần khắc họa/ thể hiện chủ đề của VB (chỉ rõ chủ đề). ++ Bộc lộ/ Diễn tả rõ nét tâm trạng, thái độ, tình cảm của tác giả/ nhân vật trữ tình (chỉ rõ tâm trạng, thái độ, tình cảm của tác giả). + Về hình thức nghệ thuật: Tạo nhịp điệu thơ, giọng thơ, tính nhạc cho VB.
1. A/C hiểu như thế nào về câu thơ/ câu văn...	- Xác định từ ngữ, hình ảnh, vế câu, mạch ý. - Giải thích từ ngữ, hình ảnh (nếu cần). - Diễn giải nội dung của câu thơ/ câu văn bằng ngôn ngữ cá nhân theo từng vế, từng ý của câu thơ/ câu văn.
2. Từ nội dung câu thơ/ câu văn ..., anh/chị hiểu gì về ...	- Khái quát nội dung câu thơ/ câu văn - Từ nội dung câu thơ làm rõ vấn đề được nêu trong câu hỏi.

c. Câu hỏi vận dụng

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Từ nội dung văn bản/ câu thơ ..., anh/chị có suy nghĩ gì ...?	- Khái quát nội dung câu thơ/ câu văn - Khẳng định câu thơ/ câu văn đã gợi cho mỗi chúng ta những suy nghĩ sâu sắc: + Nhận thức: Nhận thức được những điều gì từ nội dung của câu thơ/ câu văn? + Thái độ, tình cảm: Thức tỉnh trong mỗi chúng ta những xúc cảm gì? + Hành động: Từ đó, giúp bản thân ta ý thức được cần phải làm gì?
2. Câu thơ/ câu văn ... có ý nghĩa gì với anh/chị?	- Khái quát nội dung câu thơ/ câu văn. - Khẳng định câu thơ/ câu văn có ý nghĩa sâu sắc với bản thân mỗi chúng ta: + Nhận thức: Giúp mỗi chúng ta nhận thức rõ hơn về ... + Thái độ, tình cảm: Thức tỉnh trong mỗi chúng ta những xúc cảm ... + Hành động: Từ đó, giúp bản thân ta cần phải...

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

3. Nhận xét về giọng điệu văn bản	- Chỉ rõ giọng điệu của văn bản (cảm xúc, thái độ của NVTT/tác giả thể hiện trong văn bản) - Nhận xét. Trả lời các câu hỏi: + Có đa dạng phong phú hay không? Có linh hoạt hay không? + Có góp phần thể hiện rõ nét nội dung, tư tưởng chủ đề của văn bản hay không? + Có đem lại những xúc cảm mới mẻ cho bạn đọc hay không?
4. Nhận xét về nhân vật trữ tình	- Chỉ rõ nhân vật trữ tình. - Nhận xét: + Vẻ đẹp tính cách. + Vẻ đẹp tâm hồn.
Hoặc	
Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn của NVTT	- Chỉ rõ biểu hiện của vẻ đẹp trong tâm hồn NVTT - Nhận xét: + Tâm hồn có cao đẹp hay không? + Có lan tỏa những giá trị tích cực đến bạn đọc hay không?
5. Anh/Chị có đồng tình với quan niệm của tác giả được thể hiện trong câu thơ/ câu văn/ văn bản hay không? Vì sao?	- Chỉ rõ quan điểm của bản thân: đồng tình hoặc không đồng tình hoặc đồng tình một phần. - Lí giải: 03 lí lẽ (nhận thức, thái độ, hành động)

2. Kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện

a. Câu hỏi nhận biết

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1 Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nào?	- Đặc trưng của từng PTBD
2. Xác định nhân vật trung tâm	- Đặc trưng của nhân vật trung tâm
3. Xác định không gian, thời gian của truyện	- Xác định bố cục truyện - Trả lời cho những câu hỏi: có những loại không gian, thời gian nào đc nhắc tới?
4. Xác định các cụm từ ngữ, hình ảnh chứa thông tin	- Căn cứ yêu cầu đề bài. - Tìm vị trí của cụm từ ngữ, hình ảnh.
5. Xác định sự kiện chính	- Căn cứ cốt truyện
6. Xác định đề tài	- Căn cứ nhan đề VB. - Căn cứ nội dung VB.

b. Câu hỏi thông hiểu

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Nhân vật...hiện lên như thế nào?	- Căn cứ để xác định tính cách và phẩm chất của nhân vật: + Đặt nhân vật vào từng tình huống, sự việc, các mối quan hệ.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

	+ Tìm các chi tiết khắc họa: lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật - Rút ra những tính cách, phẩm chất của nhân vật trong từng lĩnh vực, từng mối quan hệ như: trong công việc, trong quan hệ với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, trong cách ứng xử, giao tiếp hằng ngày với mọi người.
2. Nêu ý nghĩa của hình ảnh/ hình tượng ... trong văn bản.	- Tìm các chi tiết miêu tả hình ảnh trong tác phẩm và phân loại theo thời điểm xuất hiện chi tiết. - Tìm hiểu nghĩa đen của từng hình ảnh trong cuộc sống thực tại - Rút ra ý nghĩa tượng trưng của từng hình ảnh trong tác phẩm (gắn với nhân vật, tư tưởng chủ đề của tác phẩm)
3. Ý nghĩa của chi tiết ... trong văn bản?	- Xác định chi tiết đó là chi tiết nóng hay chi tiết lạnh? Chi tiết đó thuộc phương diện nào? Xuất hiện bao nhiêu lần trong tác phẩm? - Tìm hiểu ý nghĩa của chi tiết. + Khắc họa nhân vật + Tạo sự phát triển cho câu chuyện + Thể hiện tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm + Thể hiện tài năng nghệ thuật của tác giả

c. Câu hỏi vận dụng

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Nhận xét về hình tượng nhân vật.	Trả lời các câu hỏi: - Cuộc đời của nhân vật là cuộc đời như thế nào? - Tính cách, phẩm chất của nhân vật có tốt đẹp, có đem lại giá trị cho cộng đồng, xã hội hay không? - Số phận, tính cách, phẩm chất đó đại diện cho đối tượng nào, giai cấp nào trong xã hội? Qua tính cách, phẩm chất đó, nhà văn muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?
2. Nhận xét về giọng điệu văn bản	- Chỉ rõ giọng điệu của văn bản (cảm xúc, thái độ của NVTT/tác giả thể hiện trong văn bản) - Nhận xét. Trả lời các câu hỏi: + Có đa dạng phong phú hay không? Có linh hoạt hay không?

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

	+ Có góp phần thể hiện rõ nét nội dung, tư tưởng chủ đề của văn bản hay không? + Có đem lại những xúc cảm mới mẻ cho bạn đọc hay không?
3. Nhận xét về điểm nhìn trần thuật và người kể chuyện	- Xác định và chỉ rõ ngôi kể, người kể chuyện, điểm nhìn trần thuật - Nhận xét. Trả lời câu hỏi: + Điểm nhìn trần thuật có sự thay đổi hay không? Có mới mẻ, sáng tạo hay không? Tác dụng của sự thay đổi đó là gì? + Ngôi kể, người kể chuyện có độc đáo hay không? Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể và người kể chuyện đó là gì?
4. Nhận xét về bút pháp miêu tả (tả cảnh và diễn biến tâm lí các nhân vật)	- Liệt kê các chi tiết miêu tả thiên nhiên và diễn biến tâm lí của các nhân vật - Chỉ rõ các bút pháp, các biện pháp nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để miêu tả cảnh và diễn biến tâm lí của nhân vật. - Nhận xét. Trả lời các câu hỏi: + Những bút pháp, biện pháp nghệ thuật đó có độc đáo hay không? + Có góp phần thể hiện nội dung, tư tưởng chủ đề của tác phẩm hay không? + Có thể hiện được tài năng nghệ thuật của tác giả hay không?

3. Kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin

a. Câu hỏi nhận biết

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1 Xác định các phương thức biểu đạt/ phương thức biểu đạt chính.	- Đặc trưng của từng PTBD
2. Xác định các thao tác nghị luận	- Đặc trưng của thao tác nghị luận.
3. Gọi tên biện pháp tu từ	Đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của biện pháp tu từ.
4. Xác định sapo trong văn bản	- Phần mở đầu, in đậm của văn bản.
5. Chỉ ra các cụm từ chứa thông tin	- vị trí của cụm từ trong văn bản.

b. Câu hỏi thông hiểu

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
--------------	---------------------------

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

1. Nêu hiệu quả của việc trích dẫn dẫn chứng/số liệu	- Nêu dẫn chứng/số liệu. - Tác dụng: Hình thức, Nội dung
2. Tác dụng của việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản.	- Chỉ rõ các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản. - Tác dụng: Hình thức, Nội dung
3. Nhận xét về cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản	- Chỉ rõ thông tin và cách sắp xếp các thông tin trong văn bản. - Nhận xét: mới mẻ, tin cậy, cập nhật.....

c. Câu hỏi vận dụng

Dạng câu hỏi	Căn cứ/ Hướng dẫn trả lời
1. Từ nội dung văn bản anh/chị có suy nghĩ gì ...?	- Khái quát nội dung văn bản. - Suy nghĩ của bản thân.
2. Đưa ra hành động/giải pháp cụ thể về vấn đề.	Đưa ra những hành động/giải pháp cụ thể về vấn đề.
3. Trình bày thông tin trong văn bản bằng sơ đồ.	Lập sơ đồ phù hợp với thông tin.

KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

a. Một số vấn đề thường gặp liên quan đến tuổi trẻ

- Lòng yêu nước, tự hào dân tộc.
- Ý chí và sự sáng tạo.
- Cuộc cách mạng 4.0
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Giữ gìn bản sắc dân tộc, hội nhập quốc tế.....

b. Dàn ý bài văn

MB: Giới thiệu vấn đề nghị luận

TB:

- Giải thích và bày tỏ ý kiến cá nhân
- Phân tích các khía cạnh của vấn đề
- Chứng minh qua những dẫn chứng tiêu biểu.
- Mở rộng vấn đề.
- Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

KB: Khái quát lại vấn đề, liên hệ vấn đề đặt trong bối cảnh xã hội hiện đại.

2. Viết bài văn nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học

(Dạng đề Phân tích, đánh giá tác phẩm/đoạn trích văn học với ngữ liệu mới)

Yêu cầu chung:

- Đọc kĩ văn bản, xác định các yếu tố hình thức của **thể loại** văn bản; phân tích chỉ ra giá trị của chúng trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tp/đoạn trích.
- Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn những dẫn chứng cụ thể từ văn bản.
- Biết cách sử dụng những từ ngữ để diễn tả những cảm xúc và rung động của bản thân đối với các chi tiết, hình ảnhtrong văn bản.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

- Liên hệ, so sánh với các tác giả cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của từng tác giả.
- Suy nghĩ về giá trị, sự tác động của văn bản đến bản thân.

b. Dàn ý bài văn

MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.

TB: - Khái quát vấn đề (tác giả, tác phẩm, đoạn trích)

- Phân tích, đánh giá đoạn trích/tác phẩm (theo yêu cầu của đề, theo đặc trưng của thể loại văn bản.)

- Đánh giá khái quát.

KB: Khẳng định vấn đề, nêu những cảm nhận về vấn đề đặt trong bối cảnh xã hội hiện đại.

CHUYÊN ĐỀ 3: LUYỆN ĐỀ

I. Mục tiêu

- Giúp học sinh vận dụng được kiến thức và kĩ năng vào việc giải quyết các đề cụ thể. Từ đó chủ động, linh hoạt hơn trong việc học tập đạt kết quả cao.
- Giúp học sinh rèn luyện được các kĩ năng đặc biệt là kĩ năng đọc và viết.

II. Luyện đề

ĐỀ PHÂN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

ĐỀ 1

Đọc văn bản sau:

Bà Tô Cô

Thuở đất trời còn hỗn mang, khai thiên lập địa, thường có các vị thần khổng lồ xuất hiện giúp đỡ con người. Cả thần nam và thần nữ. Những vị thần này hay đi với nhau thành một cặp như ông Tứ Tượng - bà Nữ Oa, ông Đực - bà Cái, ông Đùng - bà Đà... ở vùng Tiên Du có ông Lộc Cộc - bà Tô Cô.

Hai ông bà Lộc Cộc - Tô Cô đều có thân hình cao lớn, đầu đội trời, vai chạm mây chân đứng lún đá thủng đất. Mỗi bước đi của ông bà từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Ông bà để lại giữa đồng ruộng, trên sườn đồi, trong ngõ làng những dấu chân khổng lồ đo vừa tay mười gang. Ở Sơn, ở Chè Dọc, ở Lim, ở Kẻ Đồng, ở Tiên Lát, ở Phật Tích... đâu đâu cũng có dấu chân ông bà.

Hai ông bà Lộc Cộc - Tô Cô có khi đi thành đôi, người nọ tiếp người kia. Có khi chỉ thấy một mình ông. Có khi lại thấy một mình bà. Hai người khổng lồ nhưng tính tình thật hồn hậu tự nhiên, thoát vui thoát buồn như những đứa trẻ ham chơi. Lúc tức giận, hai ông bà chớp mắt sáng lóe, tiếng nói ầm ầm như trống dội, hắt hơi thành giông gió, thổi mạnh thành bão táp... Khi vui, ông bà làm mưa gió tưới tắm cho cây cỏ tốt tươi.

Hai ông bà Lộc Cộc - Tô Cô đều to lớn như thế nên đều có sức khỏe dị thường. Ông bà thường đưa nhau làm các việc lớn lao như đào sông, xây núi, lấp biển.

Một cái sọt đất bỏ quên cũng thành cái bờ. Đắp suốt một đêm thì được quả đồi. Một vết chân duỗi ra cũng khơi thành con suối. Đào suốt một ngày thì được con sông... Nhờ ông bà dón nước ra biển, tát khô đầm lầy mà đất đai đồng ruộng hiện ra, thành nơi cư trú làm ăn sinh sống cho con người.

Khi con người đông đúc, ông Lộc Cộc vẫn về đồ giông, đồ sấm, vung chớp tung gió bão, bà Tô Cô vẫn về tung những đàn hươu nai, chim chóc đến cho con người săn bắt...

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

Nhìn quang cảnh núi sông đồng ruộng cỏ cây hoa lá bốn mùa kế tiếp nhau xanh tươi, bà Tô Cô hài lòng lắm. Công việc tạm xong, lại đang có mang nên bà Tô Cô nằm duỗi dài xuống bên dòng sông Đuống nghỉ ngơi. Tại đây, bà Tô Cô đã đẻ ra một cái bọc. Từ cái bọc nở ra mười hai người con gái xinh đẹp. Các cô gái thay mẹ chia nhau đi khắp bốn phương dạy dân các nghề nghiệp, mỗi cô đều trở thành vua bà của mỗi vùng.

Trút bộ đồ mặc, bà Tô Cô vẫn nằm khỏa thân giữa bầu trời lồng lộng nắng gió, mãi mãi phô bày sắc đẹp nõn nà của mình trong giáng núi Nguyệt Hằng đất Tiên Du.

(Theo nguồn tài liệu từ trang : <https://lazi.vn/truyen/d/3461/ba-to-co>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Trong truyện, nhân vật ông Lộc Cộc; bà Tô Cô xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

Câu 2. Dấu hiệu nào về nhân vật giúp anh/chị nhận ra “Bà Tô Cô” là một truyện thần thoại?

Câu 3. Nêu nội dung bao quát của truyện “Bà Tô Cô”.

Câu 4. Ông Lộc Cộc, bà Tô Cô có hình dạng như thế nào? Họ thực hiện nhiệm vụ gì?

Câu 5. Nhận xét về cách giải thích quá trình tạo lập thế giới của tác giả dân gian qua văn bản.

Đề 2

Đọc văn bản sau:

LÀNG CHIẾU ĐỊNH YÊN ĐỒNG THÁP – DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ QUỐC GIA

Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không chỉ được biết đến như là quê hương của những cánh đồng lúa mênh mông, những vườn cây trù phú, mà nơi đây còn là “cái nôi” của nghề dệt chiếu truyền thống nổi tiếng khắp nơi – làng chiếu Định Yên. Năm 2013, nghề dệt chiếu ở xã Định Yên, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

[...]

Đến làng chiếu, du khách sẽ ngỡ ngàng và thích thú với không khí lao động nhộn nhịp đầy sinh khí của người dân nơi đây như cuốn hút, níu kéo bước chân du khách. Nơi này lúc nào cũng đầy màu sắc, từ trong nhà ra ngoài ngõ với những sợi lác xanh, đỏ, vàng, trắng, tím v.v.. cùng với tiếng cười nói xôn xao của những chàng trai, cô gái hoà với tiếng cộc cạch của chiếc máy dệt vang xa từ đầu ngõ. Bạn sẽ cảm nhận được sự ấm áp, gần gũi của những người dân nơi đây, ở họ luôn toả ra sự cởi mở với niềm say mê công việc truyền thống mà cha ông bao đời đã truyền lại.

Nghề dệt chiếu đòi hỏi sự điều luyện, tinh xảo và những bí quyết riêng để tạo ra những sản phẩm chiếu bền, đẹp. Để hoàn thành một chiếc chiếu với hình ảnh, màu sắc sắc sảo và ít phai, phải mất khá nhiều công đoạn.

Theo một người làm lâu năm tại ấp An Bình, để làm được chiếu đòi hỏi người thợ phải lựa các sợi lác đều, không to quá cũng không được nhuyễn quá. Những sợi lác mang đi phơi nắng từ 30 phút đến một tiếng trước khi nhuộm đủ loại màu xanh, đỏ, tím, vàng... trong nước đun sôi. Để màu nhuộm chính xác, khó phai thì phải nấu phẩm màu lên, nhúng

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

từng chùm lác nhỏ vào, tùy theo độ đậm nhạt mà có thể nhúng 2-3 lần trở lên. Sau đó, lác tiếp tục được mang phơi nắng thêm một buổi rồi mới mang vào dệt.

Khi dệt xong, người thợ mang chiếu đi cắt bìa, may vải và phơi nắng. Trong các loại chiếu thì chiếu hoa và chiếu vẩy ốc là khó dệt nhất bởi nó đòi hỏi sự phân bố, bắt chữ sao cho đẹp và tinh xảo. Để dệt một chiếc thường cần có 02 người, ngày nay, với những loại máy dệt hiện đại, chỉ cần 01 người để xỏ lác là đủ.

Chiếu Định Yên gồm có các loại chiếu trắng, chiếu in hình hoa văn, chiếu con cò, chiếu cưới trang trí lộng lẫy. Sản phẩm chiếu đủ loại, đa dạng về màu sắc, hoa văn; từ chiếu trắng thường đến chiếu bông (vẩy ốc, trà niên, con cò...) với giá cả phải chăng, phù hợp với mọi đối tượng tiêu dùng.

[...]

Nghề dệt chiếu tạo ra nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình, giải quyết việc làm, giúp ổn định về mặt kinh tế, góp phần nâng cao đời sống của bà con nông thôn. Tuy thẳng thắn, vất vả nhưng người dân Định Yên với nghề cha truyền con nối vẫn một lòng nuôi dưỡng, theo đuổi để nghề dệt chiếu. Thử một lần về thăm làng chiếu Định Yên, chiêm ngưỡng sắc màu rực rỡ nơi sông nước này nhé!

(Trích nguồn từ trang <https://thamhiemmekong.com/thong-tin-du-lich-mien-tay/lang-chieu-dinh-yen-dong-thap-di-san-van-hoa-phi-vat-quoc-gia.html>)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Nêu thể loại của văn bản.

Câu 2. Trong đoạn 2, hãy chỉ ra một câu văn có lòng ghép yếu tố miêu tả và một câu văn có lòng ghép yếu tố biểu cảm.

Câu 3. Xác định đề tài của văn bản.

Câu 4. Nêu mục đích của việc lòng ghép các yếu tố miêu tả và các yếu tố biểu cảm trong văn bản.

Câu 5. Sau khi đọc văn bản, hãy phát biểu suy nghĩ của bạn về việc bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá ở địa phương.

ĐỀ PHẢN VIẾT

ĐỀ 1

“Vào lúc 20h ngày 10/10/2023, tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã diễn ra đêm nhạc mang tên “Cánh hoa bay”. Đây là chương trình do ca sĩ Ngọc Khuê khởi xướng nhằm gây quỹ khuyến học cho các học sinh/sinh viên là nạn nhân trong vụ cháy chung cư mini tại Khương Hạ (Thanh Xuân, Hà Nội).” (Theo Báo Thanh Niên)

Từ sự kiện trên hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về sự sẻ chia của con người trong cuộc sống.

ĐỀ 2

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn thơ sau:

*Đã thấy xuân về với gió đông,
Vội trên màu má gái chưa chồng.*

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

*Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xum xoe,
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
Lá nỡn, nhành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng. [...]*

(Trích Xuân về, từ tập thơ “*Tâm hồn tôi*”(1940) của Nguyễn Bính)

***Nhà thơ Nguyễn Bính:**

a. *Tiểu sử*: Nguyễn Bính (1918 - 1966), tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính.

- Quê quán: Làng Thiện Vịnh, xã Đồng Đội, Vụ Bản, Nam Định.

- Gia đình: nhà Nho nghèo, mồ côi cha mẹ sớm.

- 1945 - 1954: tham gia kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.

- 1954 tập kết ra Bắc, tham gia công tác văn nghệ và làm báo.

- Mất đột ngột 20/01/1966.

- Nguyễn Bính là một người thông minh, nhạy cảm với thời đại đầy biến động, luôn muốn bảo tồn và duy trì những giá trị truyền thống của dân tộc.

b. *Các tác phẩm chính*: *Tâm hồn tôi* (1937), *Lỡ bước sang ngang* (1940), *Mười hai bến nước* (1942), *Truyện thơ Cây đàn Tỳ bà* (1944), *Gửi người vợ miền Nam* (1955)...

c. *Phong cách thơ*: Nguyễn Bính là nhà thơ có hồn thơ đậm chất quê. Gắn bó, thấu hiểu con người thôn quê Việt Nam. Dù viết về hình ảnh, cảnh sắc, con người nào thì tất cả đều thấm đượm một tình quê, duyên quê, hồn quê....